

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST

Ngày 28/9/2025

*V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và
hợp đồng thế chấp tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Mỹ và bà Đỗ Thị Ái Thương
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Hải Phòng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 –Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 26/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/QĐST-DS ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần M1 (JUPITER);

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, Số A phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (nay là B T, phường Y, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc. *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Phan Huy M – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ

(Theo Văn bản uỷ quyền số 06/2024/UQ-TGD ngày 11/7/2024 của ông Hoàng Anh T)

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Huy M:

+ Ông Nguyễn Phúc T1 – Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ

+ Ông Nguyễn Kim H – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ

(Theo Văn bản uỷ quyền số 18005/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 05/5/2025 của ông Phan Huy M)

2. Ngân hàng TMCP V1 (V2);

Địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là H L, phường Đ, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Nguyễn Như G – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý tích hợp 2 (Theo Văn bản uỷ quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025 của ông Ngô Chí D).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Tuấn A:

+ Ông Lê Trung A1 – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ

+ Ông Nguyễn Ngọc T2 – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ

- **Bị đơn:** Anh Trần Thanh C, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983, Đều có địa chỉ: Khu dân cư L, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là Tổ dân phố L, phường K, thành phố Hải Phòng)

(Ông H, ông Trung A1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh C, chị L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, tại phiên toà nguyên đơn trình bày: Anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L vay vốn của V2 theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký/Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LN2308099939938 ngày 18/08/2023 , Ông Trần Thanh C và Bà Nguyễn Thị L có vay vốn tại V2 số tiền 414.500.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua ô tô;

- Theo hợp đồng thẻ tín dụng số 237-P-1214497 ngày 19/08/2023, Ông Trần Thanh C và Bà Nguyễn Thị L có vay vốn tại V2 số tiền 20.725.000 đồng ; Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số khung RL4AB1BB4P6602525, số máy 2NRY089743. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 34A – 694.64 do Phòng C2 công an Tỉnh H cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Trần Thanh C. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng V2 đã thực hiện giải ngân số tiền theo thoả thuận trong các Hợp đồng cho anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L theo quy định. Tuy nhiên, ngày 15/3/2024, anh C và chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định với Ngân hàng. Bên cạnh đó, ngày 30/06/2024, giữa Ngân hàng TMCP V1 (V2) với Công Ty Cổ Phần M1 (sau đây gọi tắt là Công ty M1) đã giao kết Hợp đồng Mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER ngày 30/06/2024, hợp đồng chuyển nhượng số 08/2024VPB-JUPITER ngày 30/06/2024 và Phụ lục đính kèm thì V2 đồng ý bán và Công Ty M1 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L cụ thể như sau:

- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2308099939938 ngày 18/08/2023;

- Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng thẻ tín dụng số 237-P-1214497 ngày 19/08/2023;

Tính đến ngày 14/10/2024, anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L còn nợ Công ty M1 và V2 tổng số tiền, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 400.681.998 đồng (Với Công ty M1 là 360,613,798 đồng; Với Ngân hàng V2 là 40,068,200 đồng).

- Nợ lãi và lãi chậm trả lãi: 45.882.055 đồng (Với Công ty M1 là 39,840,032 đồng; Ngân hàng V2 là 6.042.023 đồng).

- Nợ thẻ tín dụng: 31.857.578 đồng (Với Ngân hàng V2 là 31.857.578 đồng).

- Tổng cộng: 478.421.631 đồng (Với Công ty M1 là 432.311.408 đồng; Ngân hàng V2 là 46.110.223 đồng).

Vì vậy, Ngân hàng TMCP V1 và CTCP MBN JUPITER đề nghị Toà án giải quyết yêu cầu:

- Buộc anh C và chị L phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/10/2024: Nợ gốc: 400.681.998 đồng; Nợ lãi và lãi chậm trả lãi: 45.882.055 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 31.857.578 đồng;

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M1 và V2. Lãi phát sinh phải trả cho J và V2 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho J và V2 thì J và/hoặc V2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M1 và/hoặc V2, cụ thể như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số khung RL4AB1BB4P6602525, số máy 2NRY089743. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 34A – 694.64 do Phòng C2 công an Tỉnh H cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Trần Thanh C. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp.

- Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công ty M1 và V2 theo đúng tỉ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh C, chị L và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh C, chị L nhưng anh C, chị L không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không gửi quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản xác minh tại Công an phường K, thành phố Hải Phòng xác định: Anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại TDP L, phường K, thành phố Hải Phòng.

Tại Biên bản xác minh với Trưởng TDP L, phường K, thành phố Hải Phòng xác định: Anh C và chị L vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng anh chị có đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về địa phương, cụ thể anh chị làm gì, ở đâu địa phương không nắm được.

Tại Biên bản làm việc với Trưởng TDP T, phường K, thành phố Hải Phòng về việc làm việc tại gia đình của bố đẻ chị Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Văn V xác định: Anh C và chị L lâu nay đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về nhà. Các văn bản của Tòa án giao ông thì ông cũng thông báo cho anh C, chị L biết. Về việc vay nợ của anh chị với ngân hàng ông không biết.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các quan điểm như đã trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh C, chị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay nợ tính đến ngày 28/9/2025 là 569.699.419 đồng (trong đó nợ gốc là 400.681.998 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 122.037.752 đồng, nợ thẻ tín dụng là 46.979.669 đồng), chia theo nghĩa vụ trả nợ cụ thể như sau:

Trả cho công ty M1 tổng số tiền 517.427.444 đồng (trong đó nợ gốc: 360.613.798 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 109.833.977 đồng, nợ thẻ tín dụng 46.979.669 đồng).

Trả công ty V3 tổng số tiền là 52.271.975 đồng (trong đó nợ gốc là 40.068.200 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 12.203.775 đồng).

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Hải Phòng phát biểu quan điểm và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 357, 429, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Áp dụng Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và Thông tư số: 18/2022/TT-NHNN26/12/2022 của Thống đốc

Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N.

Áp dụng vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1.

Về nghĩa vụ trả nợ tiền nợ gốc và tiền lãi:

- Buộc anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền là 517.427.444 đồng (trong đó nợ gốc là 360.613.798 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 109.833.977 đồng), nợ thẻ tín dụng là 46.979.669 đồng và buộc anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền là 52.271.975 đồng (trong đó nợ gốc là 40.068.200 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 12.203.775 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: LN2310050468751 ngày 06/10/2023, hợp đồng số LN2309280397369 ngày 02/10/2023, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSDB mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2023, hợp đồng cho vay LD2420000973 ký ngày 18/7/2024, Thẻ tín dụng.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại khối tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ là: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số khung RL4AB1BB4P6602525, số máy 2NRY089743. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 34A – 694.64 do Phòng C2 công an Tỉnh H cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Trần Thanh C.

Nếu số tiền phát mại các tài sản trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ của anh C, chị L thì anh C, chị L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1. Trường hợp giá trị tài sản phát mại lớn hơn nghĩa vụ phải trả nợ của anh C và chị L thì số tiền thu được sau khi trừ đi các chi phí, nghĩa vụ với nhà nước (nếu có), nghĩa vụ thanh toán trả nợ với Ngân hàng thì số tiền còn dư sẽ được trả lại cho anh C và chị L.

Về án phí : Anh C, chị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh C và chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều

228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh C và chị L.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngân hàng yêu cầu anh C, chị L phải trả số tiền nợ gốc và lãi do ngày 15/3/2024 anh C và chị L đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đến tháng 5/2025 ngân hàng khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu nguyên đơn cung cấp thì Tòa án xét thấy nguyên đơn và bị đơn có việc thực hiện giao dịch vay tiền, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc còn nợ và tiền lãi. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Khu dân cư L, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là TDP L, phường K, thành phố Hải Phòng) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Hải Phòng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] Ngân hàng V2 và anh C, chị L đã ký các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số LN2308099939938 ngày 18/08/2023, anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L có vay vốn tại V2 số tiền 414.500.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua ô tô;

Hợp đồng thế tín dụng số 237-P-1214497 ngày 19/08/2023, anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L có vay vốn tại V2 số tiền 20.725.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng.

Nội dung và hình thức của các Hợp đồng tuân thủ quy định của pháp luật. Xác nhận Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng. Việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Thực hiện các hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng V4 đã giải ngân cho anh C và chị L số tiền theo các hợp đồng tín dụng số LN2308099939938 ngày 18/08/2023 số tiền 414.500.000 đồng; Thẻ tín dụng số 237-P-1214497 ngày 19/08/2023 số tiền 31.857.578 đồng. Anh C và chị L đã nhận đủ số tiền nêu trên. Nhưng đến ngày 15/3/2024 anh C và chị L không tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên số nợ nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn.

Ngày 30/6/2024, giữa Ngân hàng TMCP V1 (V2) với Công Ty Cổ Phần M1 (sau đây gọi tắt là Công ty M1) đã giao kết Hợp đồng Mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER ngày 30/06/2024, hợp đồng chuyển nhượng số 08/2024VPB-JUPITER ngày 30/06/2024 và Phụ lục đính kèm thì V2 đồng ý bán và Công T3 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L cụ thể như sau:

- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2308099939938 ngày 18/08/2023;

- Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng thẻ tín dụng số 237-P-1214497 ngày 19/08/2023;

Tính đến ngày 28/9/2025 anh C và chị L còn nợ tổng số tiền 569.699.419 đồng (trong đó nợ gốc là 400.681.998 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 122.037.752 đồng, nợ thẻ tín dụng là 46.979.669 đồng), chia theo nghĩa vụ trả nợ cụ thể như sau:

Trả cho công ty M1 tổng số tiền 517.427.444 đồng (trong đó nợ gốc: 360.613.798 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 109.833.977 đồng, nợ thẻ tín dụng 46.979.669 đồng).

Trả công ty V3 tổng số tiền là 52.271.975 đồng (trong đó nợ gốc là 40.068.200 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 12.203.775 đồng).

[5] Căn cứ xác nhận nợ của hai bên, các khế ước nhận nợ, bảng xác nhận số tiền vay của khách hàng, bảng tính lãi tiền vay của khách hàng về khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp. Tòa án buộc anh C, chị L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/9/2025. Vì vậy, Ngân hàng V2 và Công ty M1 khởi kiện yêu cầu anh C, chị L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi suất trong hạn, tiền lãi suất quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

[6] Xét thấy về chủ thể ký kết hợp đồng: Ngày 30/6/2024, Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER ngày 30/06/2024, hợp đồng chuyển nhượng số 08/2024VPB-JUPITER ngày 30/06/2024 và Phụ lục đính kèm thi V2 đồng ý bán và Công Ty M1 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L cụ thể như sau:

- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2308099939938 ngày 18/08/2023;

- Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng thẻ tín dụng số 237-P-1214497 ngày 19/08/2023;

Việc mua bán nợ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành mà cụ thể là phù hợp với quy định của pháp luật về hoạt động mua, bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay của các tổ chức tín dụng theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng N1 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng N).

Tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định: “Bên bán nợ là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có khoản nợ được bán theo quy định tại khoản 2 Điều này”. Tại khoản 2 Điều 1 Thông tư

số: 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 quy định: “4. Bên mua nợ là tổ chức, cá nhân, bao gồm: a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng N1 được Ngân hàng N (sau đây là Ngân hàng N) chấp thuận hoạt động mua nợ; b) Tổ chức khác, cá nhân (bao gồm cả tổ chức, cá nhân là người cư trú và người không cư trú)”. Tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số: 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 quy định: “1. Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ được mua, bán của bên bán nợ kể từ thời điểm bên mua nợ nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ”.

Xét thấy về chủ thể mua bán nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số: 07/2024/VPB-JUPITER ngày 30/06/2024 giữa Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 là hợp pháp đúng quy định tại Điều 13 Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định về Hợp đồng mua, bán nợ. Do đó, cần buộc anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 theo tỉ lệ mua bán nợ giữa 2 bên. Cụ thể là Ngân hàng TMCP V1 tỉ lệ 10%, Công ty cổ phần M1 tỉ lệ 90% của số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) của khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2308099939938 ngày 18/08/2023. Riêng về thẻ tín dụng thì Ngân hàng TMCP V1 bán 100% giá trị khoản vay cho Công ty cổ phần M1. Tổng dư nợ khách hàng phải trả tính đến ngày 28/9/2025 anh C và chị L còn nợ tổng số tiền 569.699.419 đồng (trong đó nợ gốc là 400.681.998 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 122.037.752 đồng, nợ thẻ tín dụng là 46.979.669 đồng), chia theo nghĩa vụ trả nợ cụ thể như sau:

Trả cho công ty M1 tổng số tiền 517.427.444 đồng (trong đó nợ gốc: 360.613.798 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 109.833.977 đồng, nợ thẻ tín dụng là 46.979.669 đồng).

Trả công ty V3 tổng số tiền là 52.271.975 đồng (trong đó nợ gốc là 40.068.200 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 12.203.775 đồng).

[7] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số khung RL4AB1BB4P6602525, số máy 2NRY089743 thì thấy: Bên thế chấp và bên nhận thế chấp đã ký kết hợp đồng thế chấp. Cụ thể: Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN2308099939938 ngày 18/08/2023, giữa bên thế chấp là anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L với bên nhận thế chấp là V2. Đối tượng thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số khung RL4AB1BB4P6602525, số máy 2NRY089743. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 34A – 694.64 do Phòng C2 công an tỉnh H cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Trần Thanh C. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp. Hợp đồng thế chấp được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, tài sản đã thế chấp không

tiến hành xem xét, thẩm định được do anh C và chị L không đưa tài sản thế chấp đến địa điểm xem xét, thẩm định tại chỗ.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp nói trên được các bên tự nguyện ký kết, hợp đồng được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Tại hợp đồng thế chấp tài sản, về nghĩa vụ được bảo đảm quy định bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan. Do đó, trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số khung RL4AB1BB4P6602525, số máy 2NRY089743. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 34A – 694.64 do Phòng C2 công an Tỉnh H cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Trần Thanh C. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, anh C và chị L có nghĩa vụ trả nợ nên anh C1 và chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 357, 429, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Căn cứ Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và Thông tư số: 18/2022/TT-NHNN26/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1.

2. Về nghĩa vụ trả nợ tiền nợ gốc và tiền lãi:

- Buộc anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền là 517.427.444 đồng (trong đó nợ gốc là 360.613.798 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 109.833.977 đồng), nợ thẻ tín dụng là 46.979.669 đồng và buộc anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền là 52.271.975 đồng (trong đó nợ gốc là 40.068.200 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 12.203.775 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: LN2310050468751 ngày 06/10/2023, hợp đồng số LN2309280397369 ngày 02/10/2023, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSDB mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/10/2023, hợp đồng cho vay LD2420000973 ký ngày 18/7/2024, Thẻ tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh C, chị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại khối tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ là: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số khung RL4AB1BB4P6602525, số máy 2NRY089743. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 34A – 694.64 do Phòng C2 công an Tỉnh H cấp ngày 14/08/2023, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh Trần Thanh C.

Nếu số tiền phát mại các tài sản trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ của anh C, chị L thì anh C, chị L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1. Trường hợp giá trị tài sản phát mại lớn hơn nghĩa vụ phải trả nợ của anh C và chị L thì số tiền thu được sau khi trừ đi các chi phí, nghĩa vụ với nhà nước (nếu có), nghĩa vụ thanh toán trả nợ với Ngân hàng thì số tiền còn dư sẽ được trả lại cho anh C và chị L.

4. Về án phí: Anh Trần Thanh C và chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 26.787.976 (đã làm tròn số) đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP V1 và Công ty Cổ phần M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.600.000 đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/24 số: 0002804 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Hải Phòng).

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt đại diện Ngân hàng TMCP V1, Công ty cổ phần M1, anh C và chị L. Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M1 và anh C, chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

